TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2023/HS-PT
Ngày 22-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 156/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn L, Võ Anh K và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đối với các bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr và Hồ Văn L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Nguyễn Lư Đài Tr, sinh năm 1973, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Số 204, đường Trần Nguyên H, ấp Mỹ A, xã Mỹ P, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1948 và bà Lư Thị N, sinh năm 1954; Chồng: Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1973; Con: Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giam vào ngày 21/7/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Văn L, sinh năm 1961, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Số 620, ấp Bình Ph B, xã Tân Mỹ Ch, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện tại: Số 40/11, đường Nguyễn Huỳnh Đ, Phường 8, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Lương B, sinh năm 1912 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1924 (đã chết); Vợ: Lý Thị H, sinh năm 1961; Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1971 và nhỏ nhất sinh năm 1979; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Bùi Lưu L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Võ Anh K, sinh năm 1973, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Số 35/1, đường Nguyễn Huỳnh Đ, Phường 2, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Kim C, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Võ Kim L, sinh năm 1944; Vợ: Danh Thị Ph, sinh năm 1971 (đã ly hôn). Bị cáo có 01 người con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Hồ Văn L, sinh năm 1961, tại tỉnh Tiền Giang (có mặt tại phiên tòa);

Nơi cư trú: Số 620, ấp Bình Ph B, xã Tân Mỹ Ch, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số 40/11, đường Nguyễn Huỳnh Đ, Phường 8, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

2. Võ Anh K, sinh năm 1973, tại tỉnh Tiền Giang (có mặt tại phiên tòa);

Nơi cư trú: Số 35/1, đường Nguyễn Huỳnh Đ, Phường 2, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Lư Đài Tr, sinh năm 1973, tại tỉnh Tiền Giang (có mặt tại phiên tòa);

Nơi cư trú: Số 204, đường Trần Nguyên H, ấp Mỹ A, xã Mỹ P, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để sửa xe, mua xe, đóng thùng xe tải, tiêu xài cá nhân nên vào ngày 08/6/2019, Nguyễn Lư Đài Tr nhờ Võ Anh K (Tý), dẫn đến nhà của Hồ Văn L để vay tiền. L biết Tr có xe tải chở hàng hóa thuê nên đồng ý cho Tr vay số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 02%/1 ngày (60%/1tháng), L lấy tiền lãi vay trước của Tr năm ngày là: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và thuê K mỗi ngày đến Tr lấy tiền lãi vay là 3.000.000 đồng cho L, Tr đã trả lãi vay số tiền này đến ngày 26/7/2019 là 48 ngày thành tiền là 144.000.000đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng), tính theo lãi suất vay quy định tại Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay (150.000.000 đồng x 20%/1 năm) x 48 ngày vay thực tế = 3.945.000 đồng. L thu lợi bất chính là 140.055.000 đồng và trả tiền công cho K hai ngày mỗi ngày là 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng.

Vào ngày 15/6/2019, Tr tiếp tục cùng K đến nhà L vay số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 02%/ 1 ngày (60%/1tháng), L lấy tiền lãi trước 05 ngày là 15.000.000 đồng, K được L thuê đến Tr lấy tiền lãi vay mỗi ngày là 3.000.000 đồng, Tr đã trả lãi cho L đến ngày 26/7/2019 là 41 ngày thành tiền là 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), tính theo lãi suất cho vay quy định tại Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay (150.000.000 đồng x 20%/1 năm) x 41 ngày vay thực tế = 3.369.800 đồng. L thu lợi bất chính là 119.630.200 đồng và trả tiền công cho K 8 ngày, mỗi ngày là 300.000 đồng, tổng cộng là 2.400.000 đồng.

Đến ngày 25/6/2019, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Tr cùng với Nguyễn Thị Cẩm Th đến gặp L vay thêm số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), L yêu cầu Tr phải thế chấp tài sản thì tiếp tục cho vay tiền. Lúc này, Tr nảy sinh ý định thuê người làm giả các giấy đăng ký xe và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để L tin tưởng Tr có tài sản cho Tr vay tiền. Để thực hiện, Tr thuê một người tên Đ chạy xe honda khách không rõ họ và địa chỉ cụ thể ở Thành phố Hồ Chí Minh làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 975367 với giá là 2.000.000 đồng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 975367 mang tên Võ Phạm Quốc Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc M đã chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Cẩm Th), còn giấy thật vào ngày 15/01/2019, Th đã thế chấp cho Ngân hàng Bản Việt vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Ngày 28/6/2019, sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Tr và Th đến gặp L vay tiền, do thấy Tr có giấy và dẫn đi xem nhà đất nên L tin tưởng, từ đó yêu cầu Tr và Th viết giấy cam kết, thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 975367, L cho Tr vay tiền. L yêu cầu Tr, Th và Lư Thị N, sinh năm 1953 là mẹ ruột của Tr làm hợp đồng vay có công chứng số tiền là: 700.000.000 đ (Bảy trăm triệu đồng), (cộng 300.000.000 đồng hai lần vay ngày 08/6/2019 và ngày 15/6/2019) và cả ba phải ký tên trong hợp đồng, lãi suất vay là 02%/1 ngày. Hồ Văn L lấy tiền lãi vay trước của Tr 05 ngày thành tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), L thuê K mỗi ngày đi thu tiền

lãi vay số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Tr đã trả lãi vay cho L đến ngày 26/7/2019 là 28 ngày thành tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), tính theo lãi suất cho vay quy định tại Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay (700.000.000 đồng x 20%/1 năm) x 28 ngày vay thực tế = 10.739.700 đồng. L thu lợi bất chính là 213.260.300 đồng. L trả tiền công cho K 22 ngày mỗi ngày là 600.000 đồng, tổng cộng là 13.200.000 đồng.

Ngày 08/7/2019, Tr cùng với Th đến nhà L vay số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất là 02%/1 ngày để đặt cọc đóng thùng xe tải. Do Tr đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, L đồng ý cho Tr vay tiền và lấy trước năm ngày tiền lãi là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). L thuê K mỗi ngày đi thu tiền lãi vay là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tr đã trả tiền lãi cho L đến ngày 26/7/2019 là 18 ngày thành tiền là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), tính theo lãi suất cho vay quy định tại Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay (50.000.000 đồng x 20%/1 năm) x 18 ngày vay thực tế = 493.100 đồng, L thu lợi bất chính là 17.506.900 đồng.

Ngày 12/7/2019, Tr cùng với Th đến nhà L vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất là 02%/1 ngày và nói để đưa tiền cọc đóng thùng xe tải. Do Tr đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên L đồng ý cho Tr vay tiền và lấy trước năm ngày tiền lãi là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), L thuê K mỗi ngày đi thu tiền lãi là 1.000.000đ (Một triệu đồng), Tr đã trả tiền lãi cho L đến ngày 26/7/2019 là 14 ngày, thành tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), tính theo lãi suất cho vay quy định tại Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay (50.000.000 đồng x 20%/1 năm) x 14 ngày vay thực tế = 383.500 đồng, L thu lợi bất chính là 13.616.500 đồng.

Ngày 15/7/2019, Tr gặp L hỏi vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) nói để đóng thùng xe tải, L yêu cầu Tr phải thế chấp tài sản thêm thì mới tiếp tục cho vay tiền. Để cho L tin tưởng cho vay tiền, Tr tiếp tục thuê người tên Đ không rõ lai lịch làm giả một Giấy đăng ký xe ô tô, biển số 63C-033.33, số máy D4DB548149, số khung KMFGA17BPE C235505 mang tên Lư Thị N, với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Chiếc xe ô tô biển số 63C-033.33 trước đây Tr đã mua và được cấp Giấy đăng ký xe nhưng đến tháng 5/2019, Tr đã bán cho Vũ Đình Đồng, sinh năm 1977, cư trú: G65Đ Tổ 13, Khu phố 7, Phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 19/7/2019, Tr cùng với N đến nhà gặp L viết giấy cam kết, Lư Thị N ký hợp đồng vay tiền có công chứng, thế chấp cho ông L Giấy đăng ký xe ô tô biển số 63C-033.33 giả mang tên Nguyễn Lư Đài Tr, vay của L số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), lãi suất là 02%/1 ngày. L lấy tiền lãi vay trước 05 ngày là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), L thuê K thu tiền lãi vay mỗi ngày là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), Tr đã trả lãi cho L đến ngày 26/7/2019 là 07 ngày thành tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng). tính theo lãi suất cho vay quy định tại Bộ luật Dân sự

không vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay (300.000.000 đồng x 20%/1 năm) x 7 ngày vay thực tế = 1.150.600 đồng. L thu lợi bất chính là 40.849.400 đồng.

Ngày 24/7/2019, Tr và Th đến nhà gặp L, hỏi vay tiền và nói để đi lấy thùng xe tải, do L vẫn đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 975367 nên L đồng ý cho Tr vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất là 02%/1 ngày, L lấy tiền lãi vay trước 05 ngày là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đến ngày 06/8/2019, Tr và Th có viết giấy cam kết sẽ ra công chứng chuyển nhượng nhà đất tọa lạc tại Số 204 Trần Nguyên H, ấp Mỹ A, xã Mỹ P, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang cho L nhưng sau đó không thực hiện mà bỏ đi khỏi địa phương, tính theo lãi suất cho vay quy định tại Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay (100.000.000 đồng x 20%/1 năm) x 5 ngày vay thực tế = 273.900 đồng. L thu lợi bất chính là 9.626.100 đồng.

Ngày 08/8/2019, L mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 975367 do Tr, Th thế chấp đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang để làm thủ tục sang tên, qua kiểm tra đối chiếu lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 975367 có dấu hiệu làm giả nên L tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang xác minh làm rõ.

Đối với Nhà và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 975367 thật thì vào ngày 03/9/2019, Tr và Th thỏa thuận với Nguyễn Mỹ Tiên, sinh năm 1980, cư trú Số 12 Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Mỹ T, Tiền Giang đến Ngân hàng Bản Việt - Chi nhánh Tiền Giang trả toàn bộ vốn và lãi vay của Th số tiền 1.212.000.000 đồng, nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà Th thế chấp cho Ngân hàng, ngày 04/9/2019, Th ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng nhà, đất trên cho Nguyễn Mỹ Tiên. Hiện tại, Tiên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với tài sản này.

Như vậy, Nguyễn Lư Đài Tr và Nguyễn Thị Cẩm Th đã chiếm đoạt tiền vay của Hồ Văn L tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng, Tr đã trả vốn được 10.000.000 đồng. Trong quá trình cho Tr và Th vay tiền Hồ Văn L đã thu lợi bất chính là 554.544.400 đồng (lãi vay thực tế Tr đã trả là 575.000.000 đồng - 20.355.600 đồng lãi vay không vượt quá 20%/1 năm theo quy định tại Bộ luật Dân sự).

Ngoài ra, các lần lừa đảo Hồ Văn L như đã nêu trên thì qua điều tra còn được biết do có quen biết từ trước nên tháng 6/2019, Nguyễn Lư Đài Tr thuê một xe ô tô tải, biển số: 63C-081.06, số máy: J05BTE 15743, số khung: 9JJSGXX19096 của Lê Văn Quang, sinh năm 1968, ngụ: 9K/11 Học Lạc, Phường 3, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang để vận chuyển hàng hóa thuê. Lê

Văn Quang đã thế chấp xe tô tải, biển số: 63C-081.06 cùng với giấy đăng ký xe trên cho Ngân hàng TMCP Sacombank - Chi nhánh Tiền Giang để vay tiền vào ngày 20/6/2016. Cho đến khi Quang cho Tr thuê thì xe vẫn còn đang thế chấp tại Ngân hàng. Lê Văn Quang thỏa thuận với Nguyễn Lư Đài Tr là sẽ bán chiếc xe nói trên cho Tr với điều kiện là Tr phải trả hết vốn và lãi vay của Quang cho Ngân hàng, đồng thời phải trả thêm cho Quang số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên, Nguyễn Lư Đài Tr chưa trả tiền cho Ngân hàng và chỉ đưa cho Quang số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Do nảy sinh ý định sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thông qua việc vay mượn tiền nên Tr đã thuê một người tên Đ không rõ lai lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh làm giả hai giấy đăng ký xe ô tô biển số: 63C-081.06, số máy: J05BTE 15743, số khung: 9JJSGXX19096 mang tên Nguyễn Lư Đài Tr và xe ô tô tải biển số 63K- 2458 mang tên Lư Thị N với số tiền là hai triệu đồng. Nguyễn Lư Đài Tr đã sử dụng hai giấy xe ô tô tải giả trên để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ba bị hại khác thông qua việc vay mượn tiền như sau:

- Vụ thứ 1: Nguyễn Lư Đài Tr quen biết trước với Nguyễn Văn Hiệp, sinh năm 1957, ĐKTT: Số 10C/2 Đốc Binh Kiều, Phường 3, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang nên ngày 03/7/2019, Tr đến gặp ông Hiệp vay tiền. Nguyễn Văn Hiệp yêu cầu Tr thế chấp tài sản thì cho vay tiền nên Tr nảy sinh dùng giấy tờ xe ô tô biển số 63C-081.06 giả và ký hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản cho ông Nguyễn Văn Hiệp để vay số tiền là: 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất là 3%/1 tháng. Do tin tưởng Tr có xe ô tô và giấy đăng ký xe ô tô của Tr đưa là thật nên Nguyễn Văn Hiệp đồng ý cho vay tiền. Tr xin ông Hiệp cho mượn lại xe để vận chuyển hàng nên ông Hiệp đồng ý. Tuy nhiên, theo lời khai của Tr, ông Hiệp không có đủ tiền nên chỉ cho Tr vay số tiền là: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), còn ông Hiệp khai đã đưa cho Tr số tiền 250.000.000 đồng, sau khi lấy tiền của ông Hiệp thì Tr bỏ địa phương đi và không trả lãi, vốn vay cho ông Hiệp.

- Vụ thứ 2: Ngày 26/7/2019, Nguyễn Lư Đài Tr gặp Phạm Ngọc Th, sinh năm 1979, ĐKTT: Số 32/1A Nguyễn Huỳnh Đ, Phường 2, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang vay tiền và nói để kinh doanh chở hàng hóa thuê, Phạm Ngọc Th yêu cầu Tr thế chấp tài sản thì mới cho vay tiền. Cùng ngày, Nguyễn Lư Đài Tr ký hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô biển số 63C-081.06, số máy: J05BTE 15743, số khung: 9JJSGXX19096 cho ông Phạm Ngọc Th để vay số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, khi Tr nộp hồ sơ để công chứng tại Văn phòng Công chứng Lâm Thị Minh N, tại Số 44-46 Nam kỳ khởi Nghĩa, Phường 1, thành phố Mỹ T, Tiền Giang thì bị công chứng viên phát hiện, nghi ngờ giấy đăng ký xe ô tô, biển số 63C-081.06, số máy: J05BTE 15743, số khung: 9JJSGXX19096 là giả nên giữ lại và trình báo Công an. Do nghe giấy tờ xe giả mạo nên Phạm Ngọc Th không cho Tr vay tiền.

- Vụ thứ 3: Tháng 7/2019, không nhớ ngày, Tr gặp Võ Anh K (Tý) vay tiền Tr thế chấp cho K một giấy đăng ký xe ô tô tải, biển số 63K-2458, số máy: DALA8862306, số khung: 17LP8C090506, tên chủ xe là Lư Thị N giả. Do

thấy Tr có chở hàng hóa thuê nên K đã cho Tr vay số tiền là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất là 2%/1 ngày. K lấy tiền lãi mỗi ngày là 1.000.000đ (Một triệu đồng), Tr đã trả lãi vay cho K được 03 ngày thành tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) thì Tr gặp K vay thêm số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất là 2%/1 ngày, K mỗi ngày đi thu tiền lãi vay số tiền này là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tr đã trả lãi vay số tiền này cho K được 02 ngày thành tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) thì Tr không trả tiền vốn và tiền lãi vay cho K mà bỏ đi khỏi địa phương.

Tại bản Kết luận giám định số: 1168/KTHS ngày 15/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 975367 (ký hiệu Al) là giấy giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

2. Chữ ký đứng tên "Trần Xuân Thành" trên tài liệu ký hiệu Al so với chữ ký đứng tên "Trần Xuân Thành" trên các tài liệu mẫu ký hiệu M8, M9, M10 không phải do một người ký ra.

3. Hình dấu tròn có nội dung "CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM - TỈNH TIỀN GIANG - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" trên tài liệu ký hiệu A1 là giả, được tạo ra bằng phương pháp in lưới.

4. Chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Cẩm Th" trên các tài liệu ký hiệu A3, A4, so với chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Cẩm Th" trên các tài liệu mẫu ký hiệu M5, M6 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký đứng tên "Nguyễn Thị Cẩm Th" trên tài liệu ký hiệu A5 so với chữ ký đứng tên "Nguyễn Thị Cẩm Th" trên các tài liệu mẫu ký hiệu M5, M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Cẩm Th" trên các tài liệu ký hiệu A5 so với chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Cẩm Th" trên các tài liệu mẫu ký hiệu M5, M6 do cùng một người viết ra.

5. Dấu vân tay được đánh số 1 tại Tr 4 trên tài liệu ký hiệu A3 và dấu vân tay được đánh dấu số 4 trên tài liệu ký hiệu A4 so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái của Nguyễn Thị Cẩm Th trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4 là dấu vân tay của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay được đánh số 2 tại Tr 4 trên tài liệu ký hiệu A3 và dấu vân tay được đánh dấu số 3 trên tài liệu ký hiệu A4 so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ phải của Nguyễn Thị Cẩm Th trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4 là dấu vân tay của cùng một người in ra.

6. Dấu vân tay được đánh số 1 trên tài liệu ký hiệu A4 so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái của Nguyễn Lư Đài Tr trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là dấu vân tay của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay được đánh số 1 trên tài liệu ký hiệu A4 so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ phải của Nguyễn Lư Đài Tr trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là dấu vân tay của cùng một người in ra.

7. Chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Lư Đài Tr" trên các tài liệu ký hiệu từ A4 đến A8 so với chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Lư Đài Tr" trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4, M5, M7 là do cùng một người ký, viết ra.

8. Chữ viết nội dung trên tài liệu ký hiệu A3, A5, A6, A7, A8 so với chữ viết nội dung trên tài liệu ký hiệu M7 do cùng một người viết ra.

9. Chữ viết nội dung trên tài liệu ký hiệu A4 so với chữ viết nội dung trên tài liệu ký hiệu M6 là do cùng một người viết ra.

10. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005599, tên chủ xe Nguyễn Lư Đài Tr, địa chỉ: 4L2 Hoàng Hoa Thám-P3-MT TG, cấp cho xe nhãn hiệu: HYUNDAI, loại xe: Tải có mui, màu sơn: Xanh, số máy: D4DBD548149, số khung: KMFGA17BPEC235505, số loại: HD72, đăng ký có giá trị đến ngày: 31/12/2038, biển số: 63C-033.33; cấp ngày 20/11/2013 (ký hiệu A2) là giả được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung "C.H.X.H.C.N VIỆT NAM-CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG" trên giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005599 (ký hiệu A2) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký đứng tên "Thượng tá: Nguyễn Văn Dũng" trên giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005599 (ký hiệu A2) so với mẫu chữ ký của Thượng tá: Nguyễn Văn Dũng - Phó trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang (ký hiệu M11) là không phải do cùng một người ký ra.

Tại bản Kết luận giám định số: 1063/KTHS (Đ3) ngày 16/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

1. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009355, tên chủ xe Nguyễn Lư Đài Tr, địa chỉ: 4L2 Hoàng Hoa Thám-P3-MTTG, cấp cho xe nhãn hiệu: HINO, loại xe: Tải có mui, màu sơn: Trắng, số máy: JO5ETE15743, số khung: 9JJSGXX19096, số loại: FC9JJSW, đăng ký có giá trị đến ngày: 31/12/2041, biển số: 63C-081.06; cấp ngày 17/6/2016 (ký hiệu A1) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung "C.H.X.H.C.N VIỆT NAM - CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG" trên giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009355 (ký hiệu A1) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký đứng tên "Thượng tá: Nguyễn Văn Dũng" trên giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009355 (ký hiệu A1) so với mẫu chữ ký của Thượng tá: Nguyễn Văn Dũng - Phó trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang (ký hiệu M8) là không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Lư Đài Tr" trên tài liệu ký hiệu A2, A3, A4, A5 so với chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Lư Đài Tr" trên các tài liệu mẫu ký hiệu M5, M6 là do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết họ tên "Phạm Ngọc Th" trên các tài liệu ký hiệu A3, A4 so với chữ ký, chữ viết họ tên "Phạm Ngọc Th" trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4, M7 do cùng một người ký, viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký ở mặt sau trên tài liệu ký hiệu A2 so với mẫu chữ ký đứng tên Phạm Ngọc Th trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4, M7 là có phải do cùng một người ký ra hay không.

4. Dấu vân tay được đánh số 1 trên tài liệu ký hiệu A2, A3 so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái của Nguyễn Lư Đài Tr trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là dấu vân tay của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay được đánh dấu số 2 trên các tài liệu ký hiệu A2, A3 so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ phải của Nguyễn Lư Đài Tr trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là dấu vân tay của cùng một người in ra.

5. Dấu vân tay được đánh số 3 trên tài liệu ký hiệu A2, A3 so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái của Phạm Ngọc Th trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4 là dấu vân tay của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay được đánh số 4 trên các tài liệu ký hiệu A2, A3 so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ phải của Phạm Ngọc Th trên các tài liệu mẫu ký hiệu M3, M4 là dấu vân tay của cùng một người in ra.

* Tại bản Kết luận giám định số: 640/KTHS ngày 13/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

- Giấy "Đăng ký xe ô tô" số 004590, tên chủ xe Lư Thị N, địa chỉ: 4L2 Hoàng Hoa Thám-P3-MT TG, nhãn hiệu: HYUNDAI, biển số đăng ký: 63K-2458, số máy: D4AI8362306, số khung: 17LP8C090506, ghi ngày: 27/3/2009 (ký hiệu 640/A) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung "C.H.X.H.C.N VIỆT NAM - CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG" trên giấy "Đăng ký xe ô tô" số 004590 (ký hiệu 640/A) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Thượng tá: Lê Văn Xây - Trưởng phòng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Tiền Giang trên giấy "Đăng ký xe ô tô" số 004590 (ký hiệu 640/A) so với mẫu chữ ký của ông Lê Văn Xây (lưu tại Phòng Kỹ thuật hình sự) là không do cùng một người ký ra.

* Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 15/KL-VPYTW ngày 06/01/2021 kết luận đối với Nguyễn Thị Cẩm Th:

- Về y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án: đương sự không có bệnh tâm thần.

+ Hiện nay: Đương sự bị rối loạn sự thích ứng với hỗn hợp lo âu trầm cảm (F43.22 – ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Trước, trong, sau khi gây án: đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Bị cáo Hồ Văn L và Võ Anh K phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

1.1. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr 16 (mười sáu) năm tù. Về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr 04 (bốn) năm tù. Về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr chấp hành hình phạt chung là: 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21/7/2020.

1.2. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hồ Văn L 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000 đồng.

1.3. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Anh K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng Điều 584, 585, 591, 357 Bộ luật dân sự, ghi nhận Bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr trả lại bị hại Hồ Văn L số tiền vốn vay là: 805.000.000đ (tám trăm lẻ năm triệu đồng); Trả cho bị hại Nguyễn Văn Hiệp số tiền vốn vay là: 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận bị hại Võ Anh K không yêu cầu bị cáo Tr trả số tiền vốn vay là: 50.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 05/01/2023, bị cáo Hồ Văn L và bị cáo Võ Anh K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-P2 ngày 18/01/2023 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bị cáo Tr và bị cáo L nộp lại số tiền 1,2 tỷ đồng (bị cáo L 10 triệu đồng, bị cáo Tr 1,190 triệu đồng) tịch thu toàn bộ số tiền này sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Văn L và bị cáo Võ Anh K vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm, tội danh và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ y án sơ thẩm. Về phần dân sự cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo L và Tr là không đúng, số tiền 1,2 tỷ đồng của bị cáo L cho vay là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, đề nghị chấp nhận kháng nghị và buộc bị cáo Tr nộp 1,190 triệu đồng và L nộp 10 triệu đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn L trình bày: thống nhất về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo L, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho bị cáo hưởng án treo do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện nộp phạt 50.000.000đ để khắc phục hậu quả, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân có công với cách mạng, bị cáo cũng là bị hại trong vụ án, bị hại Tr chưa bị thiệt hại do bị cáo gây ra. Về kháng nghị của Viện kiểm sát tịch thu số tiền 1,2 tỷ đồng của bị cáo cho vay là không hợp lý vì do bị cáo Tr lừa đảo, đây là tiền hợp pháp của gia đình bị cáo đề nghị không chấp nhận kháng nghị phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi Cho vay lãi nặng của bị cáo Hồ Văn L đối với Nguyễn Lư Đài Tr thì người vay là Nguyễn Lư Đài Tr được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 4 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cấp sơ thẩm xác định là người bị hại là không chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr, Hồ Văn L, Võ Anh K thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tình tiết sự việc, các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

[2.1] Do có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên từ ngày 25/6/2019 đến tháng 7/2019, trên địa bàn thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Lư Đài Tr đã sử dụng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 975367 và bốn giấy đăng ký xe ô tô có các biển số 63C-033.33, 63C-081.06, 63K-2458 và 63C-081.06 giả để 05 lần thế chấp vay của Hồ Văn L số tiền là 900.000.000 đồng, 01 lần thế chấp vay của Võ Anh K số tiền là 50.000.000 đồng, 01 lần thế chấp vay của Nguyễn Văn Hiệp số tiền là 250.000.000 đồng và 01 lần thế chấp vay của Phạm Ngọc Th số tiền là 250.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr đã chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của bị cáo L 900.000.000 đồng.

[2.2] Bị cáo Hồ Văn L và Võ Anh K: Từ ngày 08/6/2019 đến ngày 24/7/2019, Hồ Văn L đã cho Nguyễn Lư Đài Tr và Nguyễn Thị Cẩm Th vay tiền 07 lần với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng lãi suất là 2%/ngày bằng 720%/1 năm, nhiều hơn 05 lần trở lên mức lãi suất quy định tại Bộ luật Dân sự (không vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay), L thu lợi bất chính là 554.544.400 đồng. Trong đó, L thuê Võ Anh K lấy tiền lãi của Tr số tiền 240.000.000 đồng, L trả công cho K tổng số tiền là 18.300.000 đồng.

[2.3] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, bị cáo Tr không có kháng cáo, không có kháng nghị có liên quan về phần trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị cáo Hồ Văn L và Võ Anh K đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân

sự". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tuy, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr và bị cáo Hồ Văn L có sự đan xen với nhau, có cùng số tiền phạm tội nhưng mục đích của từng bị cáo là khác nhau và đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập nên cấp sơ thẩm truy tố và xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Văn L và bị cáo Võ Anh K xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, nhận thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Hồ Văn L:

Bị cáo L đã có hành vi 7 lần cho vay lãi nặng với lãi suất 2%/ngày = 60%/tháng, tức 720%/năm vượt hơn 700%/năm, trong đó có 4 lần thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên và tổng số tiền thu lợi bất chính là 554.544.400 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, không áp dụng khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để áp dụng tình tiết "phạm tội hai lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không đúng, cần rút kinh nghiệm. Do không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng thêm tình tiết này đối với bị cáo nhưng có cân nhắc xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Mặc khác, bị cáo L giữ vai trò chính trong vụ án "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", với số tiền thu lợi bất chính lớn, cấp sơ thẩm đã có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội và người bị thiệt hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là có cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp phạt bổ sung 50.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang theo phần quyết định của bản án sơ thẩm được xem là thái độ chấp hành bản án, pháp luật để xem xét cho bị cáo thuộc tình tiết giảm nhẹ khác, không phải là tình tiết giảm nhẹ "khắc phục hậu quả" như đề nghị của người bào chữa; ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên áp dụng thêm cho bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Võ Anh K:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo K phạm tội với vai trò là người giúp sức, đồng phạm với bị cáo L về tội cho vay lãi nặng, xác định bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" như phân tích trên, không áp dụng khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là thiếu sót. Cấp sơ thẩm đã có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn

hối cải; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là có cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo giữ vai trò thứ yếu không đáng kể và số tiền hưởng lợi thấp chỉ 18.300.000 đồng, do cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên áp dụng thêm cho bị cáo.

[3.3] Với các căn cứ nêu trên nhận thấy về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội theo Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định hướng dẫn "*Áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là chính. Trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ, nhóm thì xem xét áp dụng hình phạt tù là chính*". Đối chiếu với trường hợp phạm tội của bị cáo Hồ Văn L và Võ Anh K nhận thấy các bị cáo tuy không có chứng cứ chứng minh bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ, nhóm nhưng với tình hình tội phạm này hiện nay còn diễn biến phức tạp nên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù nhằm để răn đe, phòng ngừa chung là đúng nên không chấp nhận kháng cáo phạt cải tạo không giam giữ và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3.4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo nhận thấy: cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Hồ Văn L 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Trần Anh K 06 tháng tù là đúng nhưng còn quá nghiêm khắc, bởi lẽ các bị cáo cũng là người bị hại do bị cáo Tr gây ra, các bị cáo có nhân thân tốt, tuy phạm tội nhiều lần nhưng tất cả các lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo không thuộc các trường hợp không cho hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP và việc không bắt buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các bị cáo hưởng án treo ấn định thời gian thử thách giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú theo dõi, giám sát giáo dục cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin cho hưởng án treo của các bị cáo, sửa án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Bản án sơ thẩm đã nhận định và căn cứ vào các Điều 584, 585, 591, 357 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự thoả thuận giữa bị hại Hồ Văn L với bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr trả lại số tiền vốn vay là: 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) nhưng bị cáo Tr đã trả cho Hồ Văn L số tiền 575.000.000 đồng, đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 180.000.000 đồng và còn lại số tiền 395.000.000 đồng trừ vào phần tiền vốn và buộc bị cáo Tr trả số tiền còn lại là

805.000.000 đồng. Xét thấy, việc ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp pháp luật, cụ thể:

[4.1.1] Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền vay của L 900.000.000 đồng của bị cáo Tr, là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nên căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Tr phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại L số tiền 900.000.000 đồng, cấp sơ thẩm ghi nhận và buộc bị cáo Tr hoàn trả 1,2 tỷ đồng và khấu trừ số tiền lãi đã trả và áp dụng theo quy định tại các Điều 584, 585, 591, 357 Bộ luật Dân sự là không chính xác.

[4.1.2] Đối với bị cáo Hồ Văn L sử dụng số tiền 1,2 tỷ đồng cho Tr vay đã phạm vào tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì số tiền 1,2 tỷ đồng bị cáo L dùng để cho bị cáo Tr vay, số tiền lãi tương ứng vơi mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự phải bị tịch thu sung quỹ Nhà nước, nên việc ghi nhận của cấp sơ thẩm là không đúng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng nghị phần này là có căn cứ nên chấp nhận, sửa phần trách nhiệm dân sự. Như vậy, với số tiền 1,2 tỷ đồng bị cáo L dùng cho vay và số tiền lãi 575.000.000 đồng bị cáo Tr đã trả cho bị cáo L được xử lý như sau:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1,2 tỷ đồng của bị cáo L dùng để cho vay, buộc Nguyễn Lư Đài Tr giao nộp 1.190.000.000đ, bị cáo Hồ Văn L nộp 10.000.000 đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.455.600 đồng của bị cáo L là số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của Tr.

- Buộc bị cáo Hồ Văn L trả lại cho Nguyễn Lư Đài Tr số tiền thu lợi bất chính là 554.544.400 đồng.

[4.1.3] Như vậy, sau khi khấu trừ bị cáo Tr còn phải trả cho bị cáo L số tiền: 345.455.600đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị y án sơ thẩm, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Biệp pháp tư pháp: số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bị cáo Hồ Văn L nộp ngày 05/6/2023 theo Biên lai thu số 0000291 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang để thi hành hình phạt bổ sung được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm: được điều chỉnh lại như sau: bị cáo Tr phải chịu án phí dân sự trên số tiền phải bồi thường: 345.544.400 đồng là: 345.544.400đ x 5%= 17.272.780 đồng.

[8] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hồ Văn L và bị cáo Võ Anh K, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, sửa Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn L và Võ Anh K phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

1.1. Áp dụng: khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hồ Văn L 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 22/6/2023.

Giao bị cáo Hồ Văn L cho Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang để giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo Hồ Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hồ Văn L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.2. Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Anh K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 22/6/2023.

Giao bị cáo Võ Anh K cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang để giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo Võ Anh K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Võ Anh K cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

2.1. Buộc bị cáo Nguyễn Lư Đài Tr bồi thường cho Hồ Văn L số tiền chiếm đoạt là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Hồ Văn L trả lại cho Nguyễn Lư Đài Tr số tiền thu lợi bất chính là 554.544.400đ (Năm trăm năm mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

Sau khi khấu trừ bị cáo Tr còn phải bồi thường cho bị cáo L số tiền: 345.455.600đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

2.2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Số tiền: 1,2 tỷ đồng của bị cáo L dùng để cho vay: buộc Nguyễn Lư Đài Tr giao nộp 1.190.000.000đ (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng), bị cáo Hồ Văn L nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Số tiền 20.455.600đ (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm đồng) của bị cáo Hồ Văn L là số tiền lãi tương ứng vơi mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của Nguyễn Lư Đài Tr, buộc bị cáo Hồ Văn L giao nộp.

2.3. Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của bị cáo Hồ Văn L nộp ngày 05/6/2023 theo Biên lai thu số 0000291 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang để đảm bảo việc thi hành án phần hình phạt bổ sung.

3. Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Hồ Văn L, Võ Anh K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Tr phải nộp: 17.272.780đ (Mười bảy triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Án phí dân sự phúc thẩm: các bị cáo không phải nộp.

4. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang ;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Công an tỉnh Tiền Giang;
- Công an Phường 2, TP.Mỹ T, tỉnh Tiền Giang;
- Công an Phường 8, TP.Mỹ T, tỉnh Tiền Giang;
- UBND Phường 2, TP.Mỹ T, tỉnh Tiền Giang;
- UBND Phường 8, TP.Mỹ T, tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang

(để tống đạt cho các bị cáo);
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu (Án - Trúc).

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh **Phạm Văn Công** **Nguyễn Văn Minh**